



## NĂNG LỰC NGƯỜI TỐT NGHIỆP

### CHƯƠNG TRÌNH: NGÔN NGỮ NHẬT (JAPANESE LANGUAGE)

#### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật được xây dựng theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp và mục tiêu “thành nhân trước khi thành danh” của Đại học Văn Hiến.

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật tập trung vào tri thức ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ, chú trọng phương diện thực hành ngôn ngữ. Đảm bảo sinh viên ra trường có thể giao tiếp tiếng Nhật ở mức thành thạo trong các bối cảnh đời sống thường nhật và môi trường công sở.

Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp đạt được trình độ nghiệp vụ, kiến thức xã hội, và kỹ năng nghề nghiệp đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy tiếng Nhật, biên - phiên dịch Nhật - Việt và ngược lại, hoặc định hướng nghiên cứu, theo đuổi con đường khoa bảng trong các cơ sở hàn lâm.

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật đảm bảo sự cân bằng giữa yếu tố hàn lâm và thực tiễn, hướng tới lý tưởng giáo dục các thế hệ tài năng: Thực học – Lập thân – Kiến quốc.

#### NĂNG LỰC CHUNG (GENERAL COMPETENCE - GC)

- GC1: Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh của nhà nước Việt Nam.
- GC2: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin trình độ B và khả năng sử dụng ngoại ngữ 2 là tiếng Anh, Hàn, Trung ở trình độ sơ trung cấp.
- GC3: Năng lực hiểu biết cơ bản về các vấn đề về môi trường và phát triển bền vững.
- GC4: Năng lực hiểu biết về các quy luật kinh tế, các kiến thức về quản trị và kỹ thuật marketing cơ bản, đồng thời khơi dậy tinh thần khởi nghiệp.
- GC5: Năng lực hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế - văn hóa – xã hội với các quốc gia ASEAN, nhận biết các vấn đề xã hội đương đại, đa văn hóa và tôn giáo.
- GC6: Các năng lực và tố chất cá nhân chung để học tập tốt ở bậc đại học và hỗ trợ cho quá trình phát triển cá nhân cũng như hội nhập nhanh với thế giới việc làm sau khi tốt nghiệp.

#### NĂNG LỰC VỀ KỸ THUẬT (COMPETENCE FOR TECHNOWARE - CT)

là năng lực lĩnh hội, vận dụng và sáng tạo các tri thức (lý thuyết, khái niệm, thuật ngữ...), phương pháp (nghiên cứu, giảng dạy, học tập...) và kỹ năng (ngoại ngữ, truyền thông, biên-phiên dịch, biên tập...) của ngành Ngôn ngữ Nhật vào môi trường thực tiễn (công ty, cơ sở giáo dục, cơ sở ngoại giao, NGOs...).

CT1 – Năng lực về ngôn ngữ và tri thức văn hóa: đây là những năng lực được hình thành trong quá trình đào tạo chủ yếu tại các cơ sở hàn lâm (trong trường đại học, các viện nghiên cứu...). Trang bị các tri thức ngôn ngữ học (ngữ âm học, ngữ pháp học) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe – nói- đọc – viết), kỹ năng biên-phiên dịch; để có thể làm việc hiệu quả trong các môi trường có yếu tố Nhật Bản. Trang bị vốn kiến thức chuyên sâu về Nhật Bản (Địa lý – Kinh tế - Dân cư, Lịch sử, Văn hóa).

CT2 – Năng lực trải nghiệm thực tiễn: đây là những năng lực được hình thành trong quá trình đào tạo kết hợp giữa các cơ sở hàn lâm (trong trường đại học, các viện nghiên cứu...) và các cơ sở thực hành nghề nghiệp (doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức...) hoặc các cơ sở phi doanh nghiệp, phi hàn lâm khác (các hội đoàn, NGOs...). Trang bị các kinh nghiệm thực tế thông qua các đợt kiến tập ngắn hạn và quá trình thực tập tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Nhật Bản hoặc có yếu tố Nhật Bản.

## **NĂNG LỰC VỀ CON NGƯỜI (COMPETENCE FOR HUMANWARE - CH):**

Là năng lực về các kinh nghiệm thực tiễn, tính sáng tạo, tư duy logic, sự khôn ngoan, khả năng lãnh đạo, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích nghi, giao tiếp, làm việc nhóm, phát triển bản thân và phát triển cộng đồng.

CH1: Phẩm chất khi làm việc độc lập: trang bị các kỹ năng truy cập và phân tích thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng phản biện, giải quyết vấn đề. Đồng thời, giúp đỡ và giảng dạy cho sinh viên về ý thức trách nhiệm, tính nguyên tắc, giá trị của ngành nghề mà bản thân sinh viên sẽ là một thành viên trong tương lai.

CH2: Phẩm chất khi làm việc theo nhóm: trang bị các kiến thức về tâm lý, phong tục tập quán, tín ngưỡng của người Nhật Bản và các quốc gia phương Đông, để từ đó, có thể hợp tác với các cá nhân đại diện cho nhiều nền văn hóa, tôn giáo và phong cách sống khác nhau trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau và đối thoại công khai về cá nhân, công việc và cộng đồng.

## **NĂNG LỰC VỀ THÔNG TIN (COMPETENCE FOR INFORWARE - CI):**

Năng lực lĩnh hội và sử dụng các thiết bị, máy móc, công cụ, nguyên vật liệu,...trong các ngành nghề chuyên môn của ngành Ngôn ngữ Nhật. Năng lực tìm kiếm, phân tích, sàng lọc, tổng hợp các thông tin có khả năng đáp ứng nhu cầu thiết yếu và nâng cao của ngành nghề.

CI1 – Năng lực về công nghệ thông tin căn bản: được trang bị kiến thức và cách sử dụng các công cụ phần cứng như: máy tính, máy chiếu, từ điển; các công cụ phần mềm như: MS Office, internet, bộ gõ tiếng Nhật, từ điển điện tử.

CI2 – Năng lực tìm kiếm và sử dụng thông tin trong kỷ nguyên số: trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết về tìm kiếm, phân loại, xử lý thông tin trong thời đại kỹ thuật số phục vụ việc học tập suốt đời, liên tục cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực để có thể thăng tiến trong công việc và lãnh đạo sự thay đổi.

## **NĂNG LỰC VỀ TỔ CHỨC (COMPETENCE FOR ORGAWARE - CO):**

Năng lực nhận thức và áp dụng các kiến thức về hệ thống, cơ cấu tổ chức, các quy định, quy chế, quy trình quản lý, văn hóa quản trị vào môi trường bên trong, và mở rộng ra bên ngoài các tổ chức ngành nghề.

CO1 - Năng lực nhận thức và ứng dụng các tri thức về thiết chế tạo nên bộ khung của các doanh nghiệp Nhật Bản: trang bị các kiến thức chuyên sâu về mô hình quản trị trong các doanh nghiệp Nhật Bản để từ đó hình thành các tri thức, kỹ năng hành nghề tương thích với các yêu cầu cụ thể của từng nơi.

CO2 - Năng lực nhận thức và ứng dụng các tri thức về thiết chế tạo nên bộ khung của các doanh nghiệp Nhật Bản vào các môi trường và xã hội khác: thúc đẩy sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên sâu về mô hình quản trị trong các doanh nghiệp Nhật Bản, dựa trên kinh nghiệm tích lũy, cải tiến và sáng tạo các giá trị mới để ứng dụng vào các môi trường khác, ngoài các doanh nghiệp Nhật Bản.